

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

**Địa chỉ : Lô II-1, II-2, II-3, Khu C mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc**

**Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp**

**Điện thoại : (067) 3764 159**

**Fax : (067) 3763 488**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015**

**THÁNG 07 NĂM 2015**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán	2 – 3
3. Kết quả hoạt động kinh doanh	4
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	5 – 6
5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính	7 – 32

\*\*\*\*\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,099,257,956,742</b>	<b>1,390,478,295,847</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>			
1. Tiền	111		71,127,812,338	178,701,203,282
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1	71,127,812,338	166,701,203,282
			-	12,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	32,000,000,000	32,000,000,000
			32,000,000,000	32,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,516,613,445,272</b>	<b>678,522,108,467</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	926,701,236,018	642,053,144,458
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	576,903,514,726	41,693,008,189
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	20,195,591,634	1,460,102,011
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(7,186,897,106)	(6,684,146,191)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
1. Hàng tồn kho	141	V.6	469,758,014,981	495,346,983,800
			469,758,014,981	495,346,983,800
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>			
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	9,758,684,151	5,908,000,298
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,314,038,097	885,223,677
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	4,956,495,234	5,022,776,621
			1,488,150,820	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>263,399,902,679</b>	<b>230,435,653,698</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>			
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	190,950,432,438	204,199,670,244
<i>Nguyên giá</i>	222		189,823,832,641	202,957,937,497
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		370,750,301,439	369,332,432,039
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	(180,926,468,798)	(166,374,494,542)
<i>Nguyên giá</i>	228		1,126,599,797	1,241,732,747
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		2,227,478,775	2,227,478,775
			(1,100,878,978)	(985,746,028)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	37,758,553,644	27,272,727
			37,758,553,644	27,272,727
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	34,690,916,597	26,208,710,727
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	20,867,139,656	11,193,724,192
			13,823,776,941	15,014,986,535
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,362,657,859,421</b>	<b>1,620,913,949,545</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

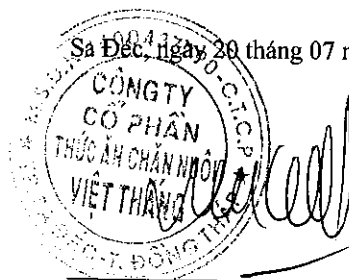
Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,329,962,090,034</b>	<b>621,690,654,857</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,327,988,712,151</b>	<b>619,688,764,474</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.13	1,085,579,976,124	342,181,808,779
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312	V.14	110,947,980,874	180,463,228,311
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	3,332,711,734	10,771,778,136
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	15,410,532,396	13,694,712,906
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	55,785,266,170	62,678,690,636
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18	42,958,795,571	292,004,735
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	13,973,449,282	9,606,540,971
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,973,377,883</b>	<b>2,001,890,383</b>
1. Phải trả dài hạn khác	336	V.20	1,973,377,883	2,001,890,383
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,032,695,769,387</b>	<b>999,223,294,688</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1,032,695,769,387</b>	<b>999,223,294,688</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	418,127,810,000	418,127,810,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	203,825,180,000	203,825,180,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	139,644,123,910	108,808,765,842
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		271,098,655,477	268,461,538,846
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		187,290,096,068	268,461,538,846
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		83,808,559,409	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,362,657,859,421</b>	<b>1,620,913,949,545</b>

Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

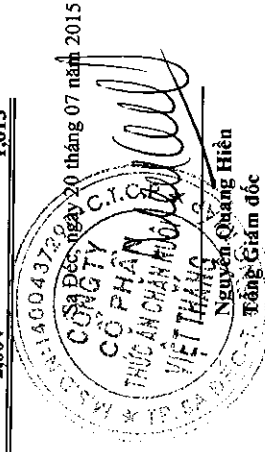
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 2 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,665,149,243,760	1,160,918,443,257	2,849,879,449,838	1,975,970,952,562	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	35,824,326,656	25,842,511,572	58,283,037,157	41,780,910,518	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,629,324,917,104	1,135,075,931,685	2,791,596,412,681	1,934,190,042,044	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,534,797,919,438	1,081,382,356,326	2,651,379,027,334	1,833,858,541,216	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94,526,997,666	53,693,575,359	140,217,385,347	100,331,500,828	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,026,547,954	4,685,706,166	1,963,187,771	10,823,648,015	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12,123,792,220	10,346,052,427	16,564,055,518	18,190,732,547	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,710,143,558	10,112,097,279	15,709,624,888	17,881,873,393	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6,338,701,693	4,786,543,901	12,241,506,341	8,574,085,872	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5,052,011,770	4,566,850,713	10,932,129,623	10,316,972,954	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		72,039,039,937	38,679,834,484	102,442,881,636	74,073,357,470	
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,074,290,910	520,766,251	1,558,131,820	862,884,974	
12. Chi phí khác	32	VI.8	1,008,660,161	3,922,350	1,048,290,162	3,922,350	
13. Lợi nhuận khác	40		65,630,749	516,843,901	509,841,658	858,962,624	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		72,104,670,686	39,196,678,385	102,952,723,294	74,932,320,094	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	18,516,801,131	8,544,679,547	17,952,954,291	9,983,479,691	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(6,337,814,942)	(2,605,507,354)	1,191,209,594	(2,495,244,794)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		59,255,684,497	33,257,506,192	83,808,559,409	67,444,085,197	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.21	1,433	795	2,004	1,613	

*weel*

Nguyễn Ngọc Thắm  
 Người lập biểu



*Hoàng*

Huỳnh Văn Hoàng  
 Kế toán trưởng

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		102,952,723,294	74,932,320,094
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8,9	16,802,282,206	16,698,536,448
- Các khoản dự phòng	03	V.3	502,750,915	1,589,178,935
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	2,180,024	(5,104,908)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,7,8	(327,841,667)	(10,711,255,197)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	15,709,624,888	17,881,873,393
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		135,641,719,660	100,385,548,765
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(838,560,890,486)	(415,508,982,355)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25,588,968,819	(133,698,529,803)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15,312,021,849)	9,691,580,983
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12,102,229,884)	1,740,126,116
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.17, VI.4	(15,286,387,156)	(17,421,335,348)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(16,075,869,114)	(3,599,599,830)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(776,795,399)	(1,626,930,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(736,883,505,409)</b>	<b>(460,038,121,472)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(114,433,505,863)	(2,588,708,008)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	300,000,000	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	271,500,000,000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	43,000,000	10,224,175,752
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(114,090,505,863)</b>	<b>279,135,467,744</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,624,095,425,974	1,116,238,948,303
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(880,697,258,629)	(949,670,408,857)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(24,779,800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>743,398,167,345</b>	<b>166,543,759,646</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(107,575,843,927)</b>	<b>(14,358,894,082)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>178,701,203,282</b>	<b>110,287,269,371</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,452,983	5,104,908
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>71,127,812,338</b>	<b>95,933,480,197</b>

Sa Đéc, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Nguyễn Ngọc Thắm  
Người lập biểu

Huỳnh Văn Hoàng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền  
Tổng Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG NĂM 2015**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần**

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400437290 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 11 năm 2002 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 11) vào ngày 23 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM vào ngày 09 tháng 07 năm 2010 với mã chứng khoán là VTF.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 646 người ( tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 633 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 Khu C mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, và chi nhánh tại Lô A &B, khu công nghiệp Sông Hậu, xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 418.127.810.000 đồng.

- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, gia súc; Nuôi cá.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Căn cứ vào nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc thay đổi niên độ kế toán, theo đó:

Năm tài chính của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 hàng năm và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm liền kề sau.

Năm tài chính đầu tiên áp dụng niên độ mới bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2015.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



# **CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), và được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do việc thanh lý tài sản được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	2 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

## 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

### *Bản quyền chương trình tổ hợp khấu phần*

Nguyên giá của bản quyền là toàn bộ chi phí bỏ ra để có bản quyền chương trình tổ hợp khấu phần. Bản quyền chương trình tổ hợp khấu phần được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

## 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Phí bảo hiểm cháy nổ và rủi ro tài sản được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

### **9. Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **10. Trợ cấp thôi việc phải trả và bảo hiểm thất nghiệp**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

Công ty thực hiện trích vào chi phí và thu trực tiếp của người lao động Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành.

### **11. Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

### **12. Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

### **13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 16. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào tại thời điểm này của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014: 21.405 VND/USD  
26.479 VND/EUR  
30/06/2015: 21.840 VND/USD  
24.552 VND/EUR

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Công ty không chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu gia công***

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

### **19. Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### **Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày các báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

### Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## 20. Trình bày lại số liệu năm trước

Trong kỳ, Ban Tổng Giám Đốc đã quyết định trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Các số liệu so sánh dưới đây đã được điều chỉnh trên bảng cân đối kế toán để phù hợp với trình bày báo cáo tài chính kỳ hiện hành.

Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày năm trước	Trình bày lại	Chênh lệch
Phải thu ngắn hạn khác	136	1,061,272,011	1,460,102,011	398,830,000
Tài sản ngắn hạn khác	155	398,830,000	-	(398,830,000)
Tài sản cố định	220	204,226,942,971	204,199,670,244	(27,272,727)
Tài sản dở dang dài hạn	240	-	27,272,727	27,272,727
Quỹ đầu tư phát triển	418	52,115,592,139	108,808,765,842	56,693,173,703
Quỹ dự phòng tài chính		56,693,173,703	-	(56,693,173,703)

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	180,468,567	289,258,480
Tiền gửi ngân hàng	70,947,343,771	166,411,944,802
Các khoản tương đương tiền	-	12,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>71,127,812,338</u></b>	<b><u>178,701,203,282</u></b>

#### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng tại ngân hàng và hưởng lãi suất 6%/năm.

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các bên liên quan	337,642,580,170	231,852,633,945
Bên thứ ba	589,058,655,848	410,200,510,513
<b>Cộng</b>	<b><u>926,701,236,018</u></b>	<b><u>642,053,144,458</u></b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(7,186,897,106)	(6,684,146,191)
<b>Giá trị thuần</b>	<b><u>919,514,338,912</u></b>	<b><u>635,368,998,267</u></b>

Như được trình bày trong thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp khoản phải thu để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

#### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Mua tài sản cố định	104,269,899,546	35,894,996,000
Mua nguyên vật liệu	471,919,023,550	-
Trả trước khác	714,591,630	5,798,012,189
<b>Cộng</b>	<b><u>576,903,514,726</u></b>	<b><u>41,693,008,189</u></b>

#### 5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bên liên quan	17,781,140,583	316,031,520
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	969,166,667	32,500,000
Tạm ứng	311,675,500	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	917,230,000	398,830,000
Phải thu khác	216,378,884	712,740,491
<b>Cộng</b>	<b><u>20,195,591,634</u></b>	<b><u>1,460,102,011</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi trên đường	16,145,146,469	177,837,446,640
Nguyên liệu, vật liệu	419,711,971,911	247,838,910,338
Thành phẩm	33,900,896,601	69,670,626,822
<b>Cộng</b>	<b><u>469,758,014,981</u></b>	<b><u>495,346,983,800</u></b>

Như được trình bày trong Thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí bảo hiểm	396,688,354	308,112,236
Phí sử dụng hạ tầng, tiền thuê đất	428,559,335	281,902,750
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2,488,790,408	295,208,691
<b>Cộng</b>	<b><u>3,314,038,097</u></b>	<b><u>885,223,677</u></b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền đẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	92,824,332,177	239,101,276,776	34,039,269,630	3,367,553,456	369,332,432,039
Mua sắm mới	-	793,231,000	3,711,638,400	-	4,504,869,400
Thanh lý	-	(3,087,000,000)	-	-	(3,087,000,000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>92,824,332,177</u></b>	<b><u>236,807,507,776</u></b>	<b><u>37,750,908,030</u></b>	<b><u>3,367,553,456</u></b>	<b><u>370,750,301,439</u></b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1,836,938,183	17,179,706,488	713,176,145	692,743,693	20,422,564,509
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Số đầu kỳ	32,570,903,632	118,084,145,266	13,316,621,660	2,402,823,984	166,374,494,542
Khấu hao trong kỳ	2,989,053,880	11,608,972,748	1,925,763,796	163,358,832	16,687,149,256
Thanh lý	-	(2,135,175,000)	-	-	(2,135,175,000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>35,559,957,512</u></b>	<b><u>127,557,943,014</u></b>	<b><u>15,242,385,456</u></b>	<b><u>2,566,182,816</u></b>	<b><u>180,926,468,798</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	60,253,428,545	121,017,131,510	20,722,647,970	964,729,472	202,957,937,497
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>57,264,374,665</u></b>	<b><u>109,249,564,762</u></b>	<b><u>22,508,522,574</u></b>	<b><u>801,370,640</u></b>	<b><u>189,823,832,641</u></b>

Như đã trình bày trong thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp máy móc và thiết bị để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm quản lý tổng thể	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	954,750,000	926,532,000	346,196,775	2,227,478,775
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>954,750,000</b>	<b>926,532,000</b>	<b>346,196,775</b>	<b>2,227,478,775</b>
<b>Giá trị khấu trừ lũy kế</b>				
Số đầu kỳ	-	679,785,940	305,960,088	985,746,028
Khấu trừ trong kỳ	-	95,014,602	20,118,348	115,132,950
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>774,800,542</b>	<b>326,078,436</b>	<b>1,100,878,978</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	954,750,000	246,746,060	40,236,687	1,241,732,747
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>954,750,000</b>	<b>151,731,458</b>	<b>20,118,339</b>	<b>1,126,599,797</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Mua sắm tài sản cố định	21,471,910,683	-
Xây dựng cơ bản	16,286,642,961	27,272,727
<b>Cộng</b>	<b>37,758,553,644</b>	<b>27,272,727</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Quyền sử dụng đất (*)	6,643,932,165	6,729,110,781
Thuê quyền sử dụng đất tại KCN Lai Vung	10,802,410,020	-
Công cụ, dụng cụ	3,420,797,471	4,464,613,411
<b>Cộng</b>	<b>20,867,139,656</b>	<b>11,193,724,192</b>

(\*) Như được trình bày trong thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Khu C mở rộng, Khu công nghiệp Sa Đéc để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Từ 01/01/15 đến 30/06/15	Từ 01/01/14 đến 30/06/14
Số đầu năm	15,014,986,535	3,907,615,823
Số phát sinh	(1,191,209,594)	2,495,244,794
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>13,823,776,941</b>	<b>6,402,860,617</b>

**13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1,085,579,976,124	342,181,808,779

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An	311,069,774,738	Từ 10 tháng 7 năm 2015 đến 29 tháng 12 năm 2015	Từ 5.2 % đến 5.5%	Nhà máy sản xuất thức ăn và quyền sử dụng đất tại các Lô II-1, II-2, II-3, Khu Công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	569,720,000,000	Từ 08 tháng 10 năm 2015 đến 25 tháng 11 năm 2015	5.5%	Thế chấp tài sản cố định nhà máy Lai Vung và nhà máy Sa Đéc 1
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	72,602,250,038	Từ 06 tháng 11 năm 2015 đến 04 tháng 12 năm 2015	Từ 5.0% đến 5.2%	Quyền ưu tiên cao nhất các khoản phải thu
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	93,947,573,140	24 tháng 8 năm 2015 đến 01 tháng 11 năm 2015	Từ 5.0 % đến 5.4%	Quyền ưu tiên thứ nhất các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị còn lại tối thiểu tương đương với số tiền gốc chưa được thanh toán
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang	38,240,378,208	Từ 18 tháng 11 năm 2015 đến 26 tháng 12 năm 2015	Từ 5.2 % đến 5.5%	Khoản phải thu với tỷ lệ 100% đảm bảo cho dư nợ tại từng thời điểm trị giá 80,000,000,000 đồng
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,085,579,976,124</b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các bên liên quan	342,191,400	7,104,152,622
Bên thứ ba	110,605,789,474	173,359,075,689
<b>Cộng</b>	<b><u>110,947,980,874</u></b>	<b><u>180,463,228,311</u></b>

**15. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bên thứ ba	3,332,711,734	10,771,778,136
<b>Cộng</b>	<b><u>3,332,711,734</u></b>	<b><u>10,771,778,136</u></b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2,795,237,720	4,283,388,540	(1,488,150,820)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	866,617,230	866,617,230	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13,486,243,968	17,952,988,356	16,075,869,114	15,363,363,210
Thuế thu nhập cá nhân	204,748,938	1,107,623,439	1,268,769,126	43,603,251
Các loại thuế khác	3,720,000	25,120,000	25,240,000	3,600,000
<b>Cộng</b>	<b><u>13,694,712,906</u></b>	<b><u>22,747,586,745</u></b>	<b><u>22,519,884,010</u></b>	<b><u>13,922,415,641</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Sản phẩm của Công ty thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Sản phẩm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Không chịu thuế
Thanh lý tài sản, bao bì phế liệu...	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 08/UB-UĐĐT ngày 21 tháng 3 năm 2003, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 12/UB-UĐĐT ngày 16 tháng 9 năm 2004 và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 09/UĐĐT/UBND ngày 11 tháng 7 năm 2005.

Theo các giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản với thuế suất thuế 15% trong 12

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 3 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Năm 2004 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ dự án đầu tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí hoa hồng, khuyến mãi, hỗ trợ	423,069,760	745,056,248
Chiết khấu thương mại	53,252,004,983	58,818,845,973
Chi phí lãi vay phải trả	1,538,981,324	1,115,743,592
Chi phí phải trả khác	571,210,103	1,999,044,823
<b>Cộng</b>	<b><u>55,785,266,170</u></b>	<b><u>62,678,690,636</u></b>

#### 18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	955,267,000	1,774,500
Cổ tức phải trả	41,869,780,050	56,999,050
Phải trả khác	133,748,521	233,231,185
<b>Cộng</b>	<b><u>42,958,795,571</u></b>	<b><u>292,004,735</u></b>

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	6,560,256,533	4,450,404,678
Quỹ phúc lợi	7,413,192,749	5,156,136,293
<b>Cộng</b>	<b><u>13,973,449,282</u></b>	<b><u>9,606,540,971</u></b>

#### 20. Nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Trợ cấp thôi việc	1,973,377,883	2,001,890,383
<b>Cộng</b>	<b><u>1,973,377,883</u></b>	<b><u>2,001,890,383</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**21. Vốn chủ sở hữu****21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng đầu tư tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</b>						
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	418,127,810,000	203,825,180,000	39,486,171,506	44,063,753,070	206,051,587,463	911,554,502,039
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	67,444,085,197	67,444,085,197
Phân phối lợi nhuận	-	-	12,629,420,633	12,629,420,633	(25,258,841,266)	-
Chuyển vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(3,788,826,190)	(3,788,826,190)
Có tức công bố	-	-	-	-	(62,719,171,500)	(62,719,171,500)
<b>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014</b>	<b>418,127,810,000</b>	<b>203,825,180,000</b>	<b>52,115,592,139</b>	<b>56,693,173,703</b>	<b>181,728,833,704</b>	<b>912,490,589,546</b>
<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</b>						
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	418,127,810,000	203,825,180,000	108,808,765,842	-	268,461,538,846	999,223,294,688
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	83,808,559,409	83,808,559,409
Phân phối lợi nhuận	-	-	30,835,358,068	-	(30,835,358,068)	-
Chuyển vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(4,625,303,710)	(4,625,303,710)
Có tức công bố	-	-	-	-	(41,812,781,000)	(41,812,781,000)
Tặng (giảm) khác	-	-	-	-	(3,898,000,000)	(3,898,000,000)
<b>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015</b>	<b>418,127,810,000</b>	<b>203,825,180,000</b>	<b>139,644,123,910</b>	<b>-</b>	<b>271,098,655,477</b>	<b>1,032,695,769,387</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn cổ phần sở hữu VNĐ	Tỷ lệ %	Vốn cổ phần sở hữu VNĐ	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Hùng Vương	377,482,710,000	90.28	337,600,000,000	80.74
Các cổ đông khác	40,645,100,000	9.72	80,527,810,000	19.26
<b>Tổng cộng</b>	<b>418,127,810,000</b>	<b>100,00</b>	<b>418,127,810,000</b>	<b>100,00</b>

### 21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu kỳ	418,127,810,000	418,127,810,000
Số cuối kỳ	<b>418,127,810,000</b>	<b>418,127,810,000</b>
<b>Cổ tức công bố</b>	<b>41,812,781,000</b>	<b>62,719,171,500</b>
Cổ tức bằng tiền	41,812,781,000	62,719,171,500

### 21.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 06 năm 2015		Ngày 30 tháng 06 năm 2014	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VNĐ
Cổ phiếu được phép phát hành	41,812,781	418,127,810,000	41,812,781	418,127,810,000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	41,812,781	418,127,810,000	41,812,781	418,127,810,000
Cổ phiếu phổ thông	41,812,781	418,127,810,000	41,812,781	418,127,810,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41,812,781	418,127,810,000	41,812,781	418,127,810,000
Cổ phiếu phổ thông	41,812,781	418,127,810,000	41,812,781	418,127,810,000

### 21.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Dưới đây phản ánh các dữ liệu lợi nhuận và cổ phiếu được sử dụng trong việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	83,808,559,409	67,444,085,197
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	83,808,559,409	67,444,085,197
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	41,812,781	41,812,781
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2,004</b>	<b>1,613</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Tổng doanh thu	2,849,879,449,838	1,975,970,952,562
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm - Thức ăn cá</i>	2,728,647,892,792	1,897,222,306,685
<i>Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc</i>	104,405,857,046	78,748,645,877
<i>Doanh thu bán nguyên liệu</i>	16,825,700,000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(58,283,037,157)	(41,780,910,518)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(58,283,037,157)	(41,780,910,518)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2,791,596,412,681</b>	<b>1,934,190,042,044</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm - Thức ăn cá</i>	2,673,232,701,011	1,857,075,274,912
<i>Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc</i>	101,538,011,670	77,114,767,132
<i>Doanh thu thuần bán nguyên liệu</i>	16,825,700,000	-

**2. Giá vốn hàng bán**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Thức ăn cho cá	2,538,020,190,036	1,760,570,436,076
Thức ăn gia súc	97,508,598,384	73,288,105,140

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Giá vốn nguyên liệu xuất bán	15,850,238,914	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2,651,379,027,334</u></b>	<b><u>1,833,858,541,216</u></b>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:		
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	2,448,852,844,698	1,743,532,968,921
Chi nhân công trực tiếp	16,219,892,587	12,717,150,832
Chi phí sản xuất chung	134,686,320,914	72,400,429,660
Tổng chi phí sản xuất	<u>2,599,759,058,199</u>	<u>1,828,650,549,413</u>
Tổng giá thành sản xuất	2,599,759,058,199	1,828,650,549,413
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	35,769,730,221	5,207,991,803
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<b><u>2,635,528,788,420</u></b>	<b><u>1,833,858,541,216</u></b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	979,666,667	10,711,255,197
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	296,611,825	99,365,726
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	686,909,279	7,922,184
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5,104,908
<b>Cộng</b>	<b><u>1,963,187,771</u></b>	<b><u>10,823,648,015</u></b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Chi phí lãi vay	15,709,624,888	17,881,873,393
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	852,250,598	308,859,154
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2,180,032	-
<b>Cộng</b>	<b><u>16,564,055,518</u></b>	<b><u>18,190,732,547</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí bán hàng**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Chi phí cho nhân viên	4,959,058,938	3,766,514,770
Chi phí bao bì	522,256,033	96,898,612
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	37,670,000	18,965,000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	320,156,682	201,100,916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,887,544,768	2,585,456,793
Chi phí hoa hồng, môi giới bán hàng	691,377,768	594,848,216
Chi phí khác	1,823,442,152	1,310,301,565
<b>Cộng</b>	<b>12,241,506,341</b>	<b>8,574,085,872</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Chi phí cho nhân viên	4,982,195,375	4,661,746,519
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	51,255,836	85,077,671
Chi phí đồ dùng văn phòng	129,594,800	94,755,000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	851,826,838	681,440,458
Thuế, phí và lệ phí	6,051,000	9,312,000
Chi phí dự phòng	502,750,915	1,589,178,935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,098,528,005	1,721,070,764
Chi phí khác	2,309,926,854	1,474,391,607
<b>Cộng</b>	<b>10,932,129,623</b>	<b>10,316,972,954</b>

**7. Thu nhập khác**

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Thu từ thanh lý TSCĐ	300,000,000	-
Thu bán phế liệu	1,258,031,817	785,780,002
Thu nhập khác	100,003	77,104,972
<b>Cộng</b>	<b>1,558,131,820</b>	<b>862,884,974</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Chi phí khác

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	951,825,000	-
Phạt vi phạm hành chính về thuế	23,205,154	-
Chi phí khác	73,260,008	3,922,350
<b>Cộng</b>	<b>1,048,290,162</b>	<b>3,922,350</b>

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,514,543,599,294	1,786,828,434,437
Chi phí nhân công	37,174,779,416	30,054,968,935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16,729,022,206	16,698,536,448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47,276,433,060	8,627,344,322
Chi phí khác	7,208,860,187	5,332,324,097
<b>Cộng</b>	<b>2,622,932,694,163</b>	<b>1,847,541,608,239</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Chi tiết tiền lương Ban Giám đốc, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>
Lương và các chi phí liên quan	4,274,667,114	2,466,100,958

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền VNĐ</i>
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thức ăn cá Cổ tức phải trả	450,592,000 37,748,271,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán thức ăn cá	313,963,286,400
DNTN Việt Tiến	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	174,404,922,190
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Bán thức ăn cá Mua nguyên vật liệu	39,917,797,912 30,264,565,800
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	1,697,348,000
Công ty cổ phần Hóa Chất Phúc Lâm	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	4,927,988,800
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mượn nguyên liệu Cho mượn nguyên liệu Phí gia công Bán nguyên liệu	6,060,397,348 373,418,000 27,126,432,000 16,282,700,000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu (Phải trả)</i>
<i>VNĐ</i>			
<b><i>Phải thu khách hàng</i></b>			
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thức ăn cá	10,350,845,327
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán thức ăn cá	300,592,248,189
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Bán thức ăn cá	19,109,486,654
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán nguyên liệu	7,050,000,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán nguyên liệu	540,000,000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>337,642,580,170</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## *Phải thu khác*

Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Thanh toán thay Cty Phước Anh	<b><u>17,781,140,583</u></b>
----------------------------	------------	-------------------------------	------------------------------

## *Phải trả người bán*

Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Thuê gia công	4,816,980,000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	342,191,400

**TỔNG CỘNG** **5,159,171,400**

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

## 2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, nợ và tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG**

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số II.2. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

### ***Độ nhạy đối với ngoại tệ***

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của các loại ngoại tệ của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### ***Rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

### ***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

VNĐ

*Dưới 1 năm*

#### **30 tháng 06 năm 2015**

Các khoản vay	1,085,579,976,124
Phải trả người bán ngắn hạn	110,947,980,874
Chi phí phải trả	55,785,266,170
	<b><u>1,252,313,223,168</u></b>

#### **31 tháng 12 năm 2014**

Các khoản vay	342,181,808,779
Phải trả người bán ngắn hạn	180,463,228,311
Chi phí phải trả	62,678,690,636
	<b><u>585,323,727,726</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

#### *Tài sản đảm bảo*

Công ty đã sử dụng một phần khoản phải thu, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà xưởng, phương tiện truyền dẫn và thiết bị văn phòng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số V.13).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.

VNĐ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>Tài sản tài chính</b>				
Đầu tư ngắn hạn	32,000,000,000	32,000,000,000	32,000,000,000	32,000,000,000
Phải thu ngắn hạn khách hàng	589,058,655,848	410,200,510,513	581,871,758,742	403,516,364,322
Phải thu các bên liên quan	337,642,580,170	231,852,633,945	337,642,580,170	231,852,633,945
Phải thu ngắn hạn khác	2,414,451,051	745,240,491	2,414,451,051	745,240,491
Tiền và tương đương tiền	71,127,812,338	178,701,203,282	71,127,812,338	178,701,203,282
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,032,243,499,407</b>	<b>853,499,588,231</b>	<b>1,025,056,602,301</b>	<b>846,815,442,040</b>
		(6,684,146,191)		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	1,085,579,976,124	342,181,808,779	1,085,579,976,124	342,181,808,779
Phải trả người bán ngắn hạn	110,605,789,474	173,359,075,689	110,605,789,474	173,359,075,689
Phải trả các bên liên quan	342,191,400	7,104,152,622	342,191,400	7,104,152,622
Phải trả khác	55,785,266,170	62,678,690,636	55,785,266,170	62,678,690,636
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,252,313,223,168</b>	<b>585,323,727,726</b>	<b>1,252,313,223,168</b>	<b>585,323,727,726</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THĂNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

## 4. Thuê hoạt động

Công ty thuê đất đối với các diện tích đang sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Từ 1 năm trở xuống	629,789,485	6,719,146,070
Trên 1 năm đến 5 năm	4,233,395,280	4,233,395,280
Trên 5 năm	32,490,296,318	33,548,645,138
<b>Cộng</b>	<b><u>37,353,481,083</u></b>	<b><u>44,501,186,488</u></b>

## 5. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam: “ Chuẩn mực số 28- Báo cáo bộ phận:

+ Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác;

+ Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.”

Hoạt động chính hiện nay của Công ty là sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám Đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.



